

TRƯỜNG ĐH TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG HÀ NỘI
VIỆN TÀI CHÍNH-NGÂN HÀNG
BỘ MÔN TÀI CHÍNH

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Hệ đào tạo: Đại học chính quy

Ngành: Tài chính - Ngân hàng

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần:
 - + Tiếng Việt: QUẢN LÝ TÀI CHÍNH CÔNG
 - + Tiếng Anh: PUBLIC FINANCIAL MANAGEMENT
- Mã học phần: **DTN.02.10**
- Đối tượng học: Sinh viên ngành Tài chính - Ngân hàng
- Số tín chỉ: 02
- Vị trí của học phần trong CTĐT

Kiến thức giáo dục đại cương		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp				<input type="checkbox"/> Thực tập/khóa luận tốt nghiệp
		Kiến thức cơ sở ngành		Kiến thức ngành		
<input type="checkbox"/> Bắt buộc	<input type="checkbox"/> Tự chọn	<input type="checkbox"/> Bắt buộc	<input type="checkbox"/> Tự chọn	<input type="checkbox"/> Bắt buộc	<input checked="" type="checkbox"/> Tự chọn	

- Học phần tiên quyết: Tài chính tiền tệ
- Học phần học trước: không
- Học phần song hành: Không
- Phân bổ giờ tín chỉ đối với các hoạt động: 100 tiết
 - + Nghe giảng lý thuyết: 24 tiết
 - + Chữa bài tập: 4 tiết
 - + Thảo luận, hoạt động nhóm: 6 tiết
 - + Kiểm tra: 2 tiết
 - +Hoạt động khác (tự học, nghiên cứu, tham quan trải nghiệm): 64 tiết
- Số tiết quy đổi giờ chuẩn: 33
- Tổng số tiết quy đổi giờ chuẩn: 97
- Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Tài chính, Viện Tài chính- Ngân hàng
- Giảng viên phụ trách học phần (dự kiến):
 - 1) Họ và tên: PGS,TS. Nguyễn Thị Liên
Chức danh: Giảng viên cao cấp
Thông tin liên hệ: ĐT: 0913588244; Email: nguyenthilien@fbu.edu.vn;

2) TS. Trần Quốc Vinh

Chức danh: Chuyên viên cao cấp

Thông tin liên hệ: ĐT: 0913256109; Email: tranquocvinh@fbu.edu.vn

2. Mô tả học phần

Học phần quản lý tài chính công thuộc khối kiến thức cơ sở ngành tài chính- ngân hàng. Nội dung học phần bao gồm: kiến thức chung về tài chính công; ngân sách nhà nước và các quỹ ngoài ngân sách nhà nước. Học phần giúp người học tìm hiểu về cơ hội tiếp cận nguồn ngân sách nhà nước của các doanh nghiệp trong việc tìm kiếm nguồn tài chính, cũng như tìm hiểu cách tạo lập và sử dụng các quỹ ngoài ngân sách nhà nước.

3. Mục tiêu của học phần:

Mục tiêu học phần	Mô tả mục tiêu học phần Học phần nhằm cung cấp cho người học:
CSO 1.1	Trang bị cho sinh viên kiến thức cơ bản về tài chính công, quản lý tài chính công, nội dung cơ bản của quản lý tài chính công.
CSO 1.2	Giúp cho sinh viên có kiến thức về ngân sách nhà nước (NSNN), các quỹ ngoài NSNN và quản lý NSNN, quản lý quỹ ngoài NSNN để vận dụng cho công tác chuyên môn.
CSO 1.3	Trang bị cho sinh viên kiến thức để tiếp cận nguồn NSNN.
CSO 2.1	Vận dụng quy định của pháp luật về NSNN và các quỹ ngoài NSNN để giải quyết các công việc của đơn vị có liên quan đến sử dụng nguồn NSNN
CSO 3.1	Chủ động và sáng tạo trong học tập và nghiên cứu môn học; tôn trọng và có trách nhiệm thực hiện pháp luật và lợi ích công; tự tin và có lý tưởng tốt trong cuộc sống xã hội.

4. Chuẩn đầu ra của học phần - CLO (Course Learning Outcomes)

Mục tiêu học phần	CDR học phần	Mô tả chuẩn đầu ra học phần <i>Hoàn thành học phần này, người học thực hiện được:</i>	CDR của CTĐT	Mức độ đóng góp cho CTĐT	Đánh giá theo thang Bloom
<i>CDR về kiến thức:</i>					
CSO 1.1	CLO 1.1	Giai thích được các kiến thức cơ bản về: tài chính công và quản lý tài chính công gồm: quan niệm về tài chính công, phân loại tài chính công, quan niệm, mục tiêu, nội dung của quản lý tài chính công.	PLO 1.3	2	2
	CLO 1.2	Vận dụng kiến thức về quản lý ngân sách nhà nước và phân cấp quản lý ngân sách nhà nước; kiến thức về quản lý các quỹ ngoài NS để giải quyết các công việc của đơn vị có liên quan đến sử dụng nguồn NSNN	PLO 1.3	3	3
<i>CDR về kỹ năng:</i>					
CSO 2.1	CLO 2.1	Thực hiện được các nghiệp vụ chủ yếu phát sinh trong quản lý tài chính công phát sinh tại đơn vị công tác: quản lý thu NSNN; quản lý chi NSNN; quản lý các quỹ ngoài NSNN.	PLO 2.1	3	2
	CLO 2.2	Thực hiện được kỹ năng làm việc độc lập, làm việc nhóm, tổ chức, quản lý, điều hành nhóm làm việc có hiệu quả.	PLO 2.5	2	2
<i>CDR về năng lực tự chủ và trách nhiệm:</i>					
CSO 3.1	CLO 3.1	Thể hiện ý thức trách nhiệm, tuân thủ pháp luật đối với công việc, đạo đức nghề nghiệp, tính thân hợp tác và thái độ phục vụ cộng đồng, phục vụ yêu cầu phát triển kinh tế xã hội.	PLO3.1	3	2

	CLO3.2	Có năng lực tự chủ, có khả năng làm việc độc lập; liên kết các kiến thức về TCC đã học trong việc giải quyết các vấn đề phát sinh tại đơn vị.	PLO 3.2	2	Mức độ 2

Mức đóng góp: nhiều (3); trung bình (2); ít (1); không (-)

5. Học liệu

5.1. Tài liệu chính:

[1] Giáo trình Quản lý Tài chính công. Chủ biên TS. Bùi Tiến Hanh; TS. Phạm Thị Hoàng Phương- NXB Tài chính năm 2016

5.2. Tài liệu tham khảo

TL1: Giáo trình Lý thuyết quản lý tài chính công, Chủ biên: PGS, TS. Hoàng Thúy Nguyệt; TS. Đoàn Bích Hạnh. Nhà XB Tài chính năm 2016

TL2: Giáo trình chi NSNN; Chủ biên: TS. Bùi Tiến Hanh Nhà XB Tài chính năm 2018.

6. Các phương pháp dạy và học áp dụng cho học phần

STT	Phương pháp dạy học	Lựa chọn
1	PP thuyết giảng.	x
2	PP phát vấn	x
3	PP dạy học nhóm, cặp (thảo luận, làm bài tập)	x
4	Hướng dẫn tự học	x
5	Phương pháp thuyết trình tích cực	x

7. Nội dung chi tiết học phần

		Dạy trên lớp				Hoạt động học
--	--	---------------------	--	--	--	----------------------

Bài dạy	Nội dung giảng dạy	(tiết)				Tự học (tiết)	CDR HP	Hoạt động dạy	
		LT	BT	TLN, TH	KT				
Bài 1	Chương 1. Tổng quan về tài chính công 1.1.Quan niệm về TCC 1.2.Quản lý TCC	3				4	CLO1.1,	Thuyết giảng, Phát vấn;	Đọc trước giáo trình
Bài 2	Chương 2: Quản lý NSNN 2.1.Khái niệm, phân loại NSNN 2.2.Nguyên tắc quản lý NSNN	3				6	CLO1.1, CLO1.2, CLO2.1,	Thuyết giảng, Phát vấn, Hướng dẫn tự học	Đọc trước GT mục 2.1 + 2.2
Bài 3	Chương 2. (tiếp) 2.3.Phân cấp quản lý NSNN 2.3.1.Khái niệm, nguyên tắc phân cấp QLNSNN 2.3.2.Phân cấp QLNSNN	2		1		6	CLO1.1, CLO1.2, CLO2.1,	Thuyết giảng, Phát vấn Hướng dẫn tự học + thảo luận	Đọc giáo trình mục 2.3 + Tình huống QLTC
Bài 4	Chương 3: Tổ chức cân đối NSNN	1				6	CLO1.2, CLO2.1 CLO2.2	Thuyết giảng, Phát vấn, Hướng dẫn tự	Đọc trước GT mục 3.1 + 3,2 + 3,3 + Tình huống QLTC

	<p>3.1. Khái niệm cân đối NSNN</p> <p>3.2. Khái niệm và cách tính bội chi NSNN</p> <p>3.3. Nguyên nhân bội chi NSNN</p>			2				học+Thảo luận	
Bài 5	<p>Chương 3 (tiếp)</p> <p>3.4. Nguồn bù đắp bội chi NSNN và sử dụng thặng dư NSNN</p>	2	1			6	CLO1.1, CLO1.2, CLO2.1	Thuyết giảng, Phát vấn Tổ chức học tập theo nhóm	
Bài 6	Thảo luận					6	CLO1.2, CLO2.1, CLO 2.2 CLO 3.1	Thuyết giảng, Phát vấn, Hướng dẫn thảo luận	Tình huốn QLTC + GT Lý thuyết QLTC trang 25 đến 35
Bài 7	Bài tập + KT bài 1 (1 tiết)		2		1	6	CLO1.1, CLO1.2, CLO2.1,	Thuyết giảng, Phát vấn. Hướng dẫn bài tập.	Tình huốn QLTC + đọc GT Lý thuyết QLTC trang 45 đến 55
Bài 8	<p>Chương 4: Quản lý các quỹ ngoài NSNN.</p> <p>4.1. Khái niệm, đặc điểm phân loại các quỹ ngoài nSNN</p> <p>4.1.1. Khái niệm, đặc điểm</p> <p>4.1.2. Phân loại</p>	3				6	CLO1.1, CLO1.2, CLO2.1,	Thuyết giảng, Phát vấn; Hướng dẫn tự học	Đọc GT QLTC từ 75 đến trang 85

Bài 9	Chương 4(tiếp) 4.2.Quản lý một số quỹ ngoài NSNN ở Việt Nam	3				6	CLO1.1, CLO1.2, CLO2.1,	Thuyết giảng; Phát vấn; Hướng dẫn tự học.	Tình huốn QLTC + GT lý thuyết QLTC trang 85 đến 95
Bài 10	Chương 4(tiếp) 4.2.1.Quản lý quỹ bảo hiểm XH	2	1			6	CLO1.1, CLO1.2, CLO2.1,	Thuyết giảng; Phát vấn; Hướng dẫn + Bài tập	GT quản lý TCC
Bài 11	4.2.2. Quỹ bảo vệ môi trường	2			1	6	CLO1.1, CLO1.2, CLO2.1, CLO2.2	Thuyết giảng; Phát vấn; Hướng dẫn thảo luận	Tình huốn QLTC
Bài 12	4.2.3.Quản lý quỹ đầu tư phát triển địa phương	3					CLO1.1, CLO1.2, CLO2.1, CLO2.2	Thuyết giảng; Phát vấn;	
	Tổng số tiết	24	4	6	2	64			
	Tổng tiết chuẩn	24	4	3	2	64			

8. Nhiệm vụ của người học

- Tham dự giờ lên lớp: Tối thiểu 80% số tiết học trên lớp, trong phòng thực hành có sự giảng dạy, hướng dẫn trực tiếp của giáo viên;

- Bài tập, thảo luận:

+ Đọc tài liệu, chuẩn bị và tham gia thảo luận theo hướng dẫn của giáo viên;

+ Thực hiện đầy đủ các bài tập được giao;

- Làm bài kiểm tra định kỳ;

- Tham gia thi kết thúc học phần.

9. Đánh giá kết quả học tập và cho điểm

9.1. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo Quy chế đào tạo hiện hành.

9.2. Phương thức đánh giá

Thành phần đánh giá	Trọng số (%)	Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	CLO	Trọng số CLO trong thành phần đánh giá (%)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
Điểm chuyên cần	10	Đánh giá quá trình	Rubric	CLO 3.1	100%
01 bài kiểm tra 50 phút giữa kỳ	30	Trắc nghiệm khách quan	Theo thang điểm đề kiểm tra	CLO1.1, CLO1.2, CLO 2.1	40% 40% 20%
01 bài kiểm tra 50 phút cuối kỳ		Trắc nghiệm tự luận	Theo thang điểm đề kiểm tra	CLO1.1, CLO1.2, CLO2.1	20% 40% 40%
Bài thi hết học phần	60	Trắc nghiệm tự luận	Theo thang điểm đề thi	CLO1.1, CLO1.2, CLO2.1, CLO3.2	20% 30% 30% 20%

9.3. Các Rubric đánh giá kết quả học tập

9.3.1 Các Rubric đánh giá bài tập nhóm

* **Phương pháp đánh giá:** PP đánh giá thuyết trình, làm việc nhóm

* **Công cụ đánh giá:** Bảng kiểm, rubrics, bài thuyết trình (sản phẩm của nhóm)

Tiêu chí đánh giá	Trọng số	Mô tả mức chất lượng				
		Giỏi	Khá	Trung bình	TB yếu	Kém

		8,5 - 10	7 – 8,4	5,5 – 6,9	4,0 – 5,4	< 4,0
1. Hình thức báo cáo	10%	Bố cục hợp lý, đúng quy cách trình chiếu, logic	Bố cục khá hợp lý, rõ, đúng quy cách trình chiếu, khá logic	Bố cục khá hợp lý, rõ, chưa đúng quy cách trình chiếu	Bố cục thiếu hợp lý, chữ nhỏ	Trình bày cầu thả, đơn điệu
2. Nội dung báo cáo	40%	Trình bày \geq 85% nội dung yêu cầu về chủ đề, có thêm các nội dung liên quan đóng góp vào việc mở rộng kiến thức	Trình bày khá đầy đủ nội dung yêu cầu về chủ đề, 70 % - < 85 % tổng số nội dung yêu cầu	Trình bày 55 % - < 70 % tổng số nội dung yêu cầu về chủ đề	Trình bày trên 40 % - < 55 % tổng số nội dung yêu cầu về chủ đề	Trình bày nội dung không liên quan hay nội dung quá sơ sài, không cung cấp được thông tin cần thiết
3. Kỹ năng trình bày	20%	Nói rõ, tự tin, thuyết phục, giao lưu người nghe	Nói rõ, tự tin, thuyết phục nhưng ít giao lưu người nghe	Nói rõ, khá tự tin, có giao lưu người nghe nhưng ít thuyết phục	Nói nhỏ, khá tự tin, có giao lưu người nghe nhưng không thuyết phục	Không thuyết phục, không giao lưu với người nghe
4. Trả lời câu hỏi	10%	Trả lời được \geq 85 % các câu hỏi	Trả lời khá đầy đủ, 70 % đến < 85 % câu hỏi	Trả lời được trên 55 % đến < 70 % câu hỏi	Trả lời được 40 % - < 55 % câu hỏi	Không trả lời được câu hỏi nào
5. Làm việc nhóm (sự đóng góp của các thành viên)	20%	Có phân công nhiệm vụ rõ ràng và phân chia các phần báo cáo giữa các thành viên. Thể hiện sự cộng tác giữa các thành viên trong nhóm rõ ràng.	Có một số thành viên cùng báo cáo, có phân công rõ đóng góp của từng thành viên	Có một số thành viên báo cáo và chưa phân công rõ đóng góp của từng thành viên	Có sự phân công công việc chuẩn bị khá rõ cho báo cáo nhưng chỉ có một thành viên báo cáo	Chỉ một thành viên báo cáo

9.3.2 Rubric đánh giá chuyên cần

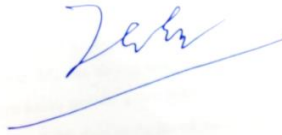
Tiêu chí	Tỷ lệ	Mức chất lượng					Điểm
		Rất tốt	Tốt	Đạt yêu cầu	Đạt, song cần cải thiện	Không đạt	
		10-8,5	8,4-7,0	6,9-5,5	5,4-4,0	4,0-0,0	
Mức độ tham dự theo TKB	50	Tham dự trên lớp đạt trên 90% số tiết học	Tham dự trên lớp đạt 85-90% số tiết học	Tham dự trên lớp đạt 80-85% số tiết học	Tham dự trên lớp đạt 80% số tiết học	Tham dự trên lớp dưới 80% số tiết học	
Mức độ tham gia các hoạt động học tập	50	Nhiệt tình trao đổi, phát biểu, trả lời từ 2 câu hỏi, chữa ít nhất 1 bài tập	Có trao đổi, phát biểu, trả lời từ 2 câu hỏi, hoặc bài tập	Có trao đổi, phát biểu, trả lời 1 câu hỏi, hoặc bài tập.	Không trao đổi, phát biểu, trả lời câu hỏi, chữa bài tập	Không trao đổi, phát biểu, trả lời câu hỏi, chữa bài tập	

Hà Nội, ngày 25 tháng 12 năm 2022

Viện trưởng

Trưởng bộ môn

Người soạn đề cương


PGS. TS. Nguyễn Thị Liên

TS. Bạch Đức Hiền

PGS. TS. Nguyễn Thị Liên